



mìng àn

命案

noun · murder case

Example Sentences

Zhè qǐ mìng àn fā shēng zài shēn yè de jiē dào shàng

这起命案发生在深夜的街道上。

This murder case happened on the street late at night.

Jīng fāng zhèng zài diào chá zhè zhuāng mìng àn de zhēn xiàng

警方正在调查这桩命案的真相。

The police are investigating the truth of this murder case.

Trace each character, then write the word on your own.

命	命	命	命	命	命	命	命	命	命	命
案	案	案	案	案	案	案	案	案	案	案
案	案									